TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **122/2024**/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2024
"V/v Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh.
Ông Trần Đắc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22/01/2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Danh Đ – sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn*: Chị Chế Thị C – sinh năm 1993 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 07/8/2023 và tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/8/2024, nguyên đơn Anh Danh Đ trình bày:

Anh và chị Chế Thị C sau một thời gian tự tìm hiểu tình cảm khoảng 3 tháng thì về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng nhưng sau đó đến năm 2015 vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật vào ngày 14/9/2015.

Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận cho đến tháng 6/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cách sống sinh hoạt nên thường xuyên xảy ra tranh cải, không còn hạnh phúc, vợ chồng vẫn sống chung với nhau nhưng rất lạnh nhạt, mỗi lần xảy ra tranh cải là anh bỏ đi làm hoặc bỏ đi chổ khác vì không muốn vợ chồng cải cọ thêm, mâu thuẫn cứ như thế kéo dài đến tháng 8/2023 thì vợ anh dọn đồ bỏ đi và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân vợ chặn hết điện thoại không cho anh liên lạc, không một lần về thăm con cũng như không điện thoại về thăm con nên vợ chồng không thể hòa giải những mâu thuẫn với nhau.

Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là Danh Hoàng K – sinh ngày 29/8/2015 và Danh Hoàng K1 – sinh ngày 29/5/2019. Cháu K hiện tại đang sống cùng anh, nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu; còn cháu K1 hiện tại do vợ anh chăm sóc nuôi dưỡng nên anh đồng ý giao cháu K1 cho vợ nuôi, mỗi người nuôi một đứa con và không ai phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho ai. Nếu như sau này vợ không nuôi cháu K1 nửa thì giao lại cho anh nuôi anh vẫn đồng ý.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân, anh Danh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chế Thị C; Về con chung, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Danh Hoàng K – sinh ngày 29/8/2015, anh đồng ý giao cháu Danh Hoàng K1 – sinh ngày 29/5/2019 cho chị C nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai; Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Chị Chế Thị C không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho chị C nhưng chị không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của chị.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho anh Danh Đ được ly hôn với chị Chế Thị C; Về con chung: Giao cháu Danh Hoàng K – sinh ngày 29/8/2015 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Danh Hoàng K1 – sinh ngày 29/5/2019 chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận việc anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản

chung, nợ chung: không có và anh Đ không có yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên anh Danh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Chế Thị C được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Chị Chế Thị C với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, chị C không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, chị Chế Thị C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[2] Về hôn nhân: Anh Danh Đ và Chị Chế Thị C xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 188/UB quyển số I/2015 ngày 14/9/2015, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh Danh Đ được ly hôn với chị Chế Thị C vì lý do vợ chồng không có tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cách sống sinh hoạt nên thường xuyên xảy ra tranh cải, không còn hạnh phúc, vợ chồng vẫn sống chung với nhau nhưng rất lạnh nhạt, mỗi lần xảy ra tranh cải là anh bỏ đi làm hoặc bỏ đi chổ khác vì không muốn vợ chồng cải cọ thêm, mâu thuẫn cứ như thế kéo dài đến tháng 8/2023 thì vợ anh dọn đồ bỏ đi và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Đối với Chị Chế Thị C, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng chị C đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Anh Danh Đ khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng anh không hòa giải được với nhau, bản thân anh thì không còn tình cảm gì với chị C và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với chị C. HĐXX thấy rằng, anh Danh Đ và chị Chế Thị C đã không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân là để cả hai có thời gian cùng nhau nhìn lại những gì đã trãi qua nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Danh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Danh Đ xác định vợ chồng ông có 02 con chung tên Danh Hoàng K – sinh ngày 29/8/2015 và Danh Hoàng K1 – sinh ngày 29/5/2019. Cháu K hiện nay đang sống cùng với anh nên anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, còn cháu K1 đang sống cùng với chị C nên anh Đ đồng ý giao cho chị C nuôi, cháu K cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng với anh Đ. Xét yêu cầu nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp theo nguyện vọng của cháu K1. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Danh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Do Chị Chế Thị C không có ý kiến tại Tòa về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên thì chị C có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn Anh Danh Điền phải chịu nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Danh Đ được ly hôn với chị Chế Thị C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Hoàng K – sinh ngày 29/8/2015 cho anh Danh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung tên Danh Hoàng K1 – sinh ngày 29/5/2019 cho chị Chế Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đ và chị C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Anh Danh Đ phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số **0007026, ngày 07/8/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, anh Danh Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 25/10/2024.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhập